

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày 23 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và ông Trần Công Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-DS ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Th, Quận B, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh B; địa chỉ: Tiểu khu 01, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn T - Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát Nội bộ Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Văn bản ủy quyền số: 2227/QĐ-BQB-TH ngày 09/11/2023); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, phía đại diện nguyên đơn - ông Võ Văn Tuấn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H đã ký kết vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Quảng Bình 02 khoản vay:

+ **Khoản vay 1:** Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H ký kết vay Hợp đồng tín dụng số: 86/HĐTD ngày 30/9/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 86/HĐSĐBS

ngày 30/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 86/2019/HĐSĐBS-TD ngày 20/3/2019 (gọi tắt là *Hợp đồng tín dụng 86/HĐTD*) để đóng mới tàu đánh cá vỏ gỗ nghề chụp mực, công suất 822 CV theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng số tiền ông Tiệm - bà Hiền đã được Ngân hàng đồng ý giải ngân là 8.297.300.000 đồng (theo các giấy nhận nợ, gồm: ngày 23/11/2016 số tiền 4.370.000.000 đồng, ngày 28/11/2016 số tiền 207.500.000 đồng, ngày 12/12/2016 số tiền 2.022.700.000 đồng, ngày 26/12/2016 số tiền 1.697.100.000 đồng), thời hạn vay: 11 năm (132 tháng), kể từ ngày 30/9/2016; lãi suất 7%/năm (trong đó lãi suất chủ tàu, là bên vay phải trả là 3%/năm và lãi suất Nhà nước cấp bù 4%/năm); kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/kỳ (năm đầu tiên bên vay chưa phải trả nợ gốc) và trả nợ lãi định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 30 (năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên bên vay được miễn lãi).

Đảm bảo cho khoản vay ông Tiệm, bà Hiền đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 86/HĐTC ngày 30/8/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 86/HĐTC-SĐBS ngày 30/12/2016 “Về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 86/HĐTC ký kết ngày 30/8/2016” (gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp 86/HĐTC*) thế chấp cho Ngân hàng tài sản hình thành trong tương lai là tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐD-QB-12-67, ký hiệu máy MITSUBISHI S6R-MPTK, số máy 69531, công suất 822CV, nơi chế tạo: Nhật; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60692; số đăng ký QB-92873-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/12/2016; chủ tàu Nguyễn Văn T; giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm định giá: 12.433.401.450 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Tiệm, bà Hiền đã trả được số tiền: 2.525.339.843 đồng; trong đó: tiền gốc 929.149.085 đồng, tiền lãi 1.596.190.758 đồng (tiền lãi: Nhà nước hỗ trợ 1.115.606.959 đồng và ông Tiệm, bà Hiền trả 480.583.799 đồng); lãi trả đến ngày 30/9/2019; ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 21/5/2019. Chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 01/10/2019 và chuyển nợ xấu ngày 31/12/2019. Dư nợ đến hết ngày 30/9/2023 là 9.723.364.828 đồng; trong đó: nợ gốc 7.368.150.915 đồng, nợ lãi 2.355.213.913 đồng.

+ *Khoản vay 2*: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H ký kết vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán hàng thủy hải sản theo Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-201904602 ngày 26/11/2019, số tiền vay 1.470.000.000 đồng, số tiền giải ngân thực tế là 1.470.000 đồng (theo Giấy nhận nợ ngày 27/11/2019); thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 9,5%/năm.

Bảo đảm khoản vay ông Tiệm, bà Hiền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m² tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số: BP 961306, sổ vào sổ cấp GCN: CH,00850 ngày 17/4/2014 mang tên Nguyễn Văn T và Hoàng Thị H theo Hợp đồng thế chấp số: 490/2018/HĐTC ngày 04/4/2018; Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 490/2018/VBTT ngày 04/4/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1399/2018/HĐSĐBS-TC ngày 26/9/2018 (gọi tắt là

hợp đồng thế chấp 490/HĐTC); giá trị tài sản tại thời điểm định giá 2.200.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Tiệm, bà Hiền đã trả được số tiền lãi: 30.225.616 đồng, tiền gốc 0 đồng. Ngày trả lãi gần nhất ngày 28/4/2020 (trả lãi đến ngày 13/02/2020); chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 28/9/2020. Dư nợ tính đến ngày 30/9/2023 là 2.179.490.030 đồng; trong đó: nợ gốc 1.470.000.000 đồng, nợ lãi 709.490.030 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Tiệm và bà Hiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà không trả và liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Agribank làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 11.902.854.858 đồng, trong đó: nợ gốc 8.838.150.915 đồng và nợ lãi 3.064/703.943 đồng. Ông Tiệm, bà Hiền phải tiếp tục chịu trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo mức lãi đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông Tiệm, bà Hiền không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp là tàu cá theo mẫu thiết kế: ĐD-QB-12-67, ký hiệu máy MITSUBISHI S6R-MPTK, số máy 69531, công suất 822CV, nơi chế tạo: Nhật; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60692; số đăng ký QB-92873-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/12/2016; chủ tàu Nguyễn Văn T; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m², GCNQSDĐ số: BP 961306, số vào sổ cấp GCN: CH,00850 ngày 17/4/2014 mang tên Nguyễn Văn T và Hoàng Thị H tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Agribank thì Ngân hàng Agribank thông qua Agribank Chi nhánh Bắc Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tiệm và bà Hiền để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, Thông báo phiên hòa giải và Giấy triệu tập thông qua đường Bưu chính, ông Tiệm - bà Hiền vắng mặt không có lý do. Ngày 10/4/2024, Tòa án phối hợp với Công an xã Đức Trạch tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập cho ông Tiệm - bà Hiền, ông Tiệm - bà Hiền nhận các văn bản nhưng từ chối ký vào biên bản giao nhận. Vì ông Tiệm - bà Hiền cố tình trốn tránh và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản ông Tiệm - bà Hiền đang thế chấp. Kết quả

xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét, thẩm định ngày 12/6/2024, như sau:

+ Con tàu đánh cá vỏ gỗ, số đăng ký QB-92873-TS đang neo đậu tại Cảng cá Thắng Lợi thuộc xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch. Hội đồng chỉ tiến hành xem xét bên ngoài con tàu, không xem xét linh kiện, nội thất bên trong con tàu vì bị đơn ông Tiệm - bà Hiền không hợp tác làm việc: Con tàu có hệ thống ngư lưới cũ, tời cào, các vật dụng phục vụ hoạt động đánh bắt không còn, hiện chỉ còn thân tàu, không xác định được máy móc bên trong con tàu.

+ Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m² và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà đồ hai tầng phía trên lợp ngói chống nóng có kết cấu móng đá học, trụ bê tông cốt thép; tường xây gạch, tô trát hoàn chỉnh, mặt trong tường ốp gạch; cầu thang tin vịn gỗ, bậc cấp lát đá; hệ thống điện sáng chìm; tầng một có 02 phòng ngủ, 01 phòng WC; tầng 2 có 02 phòng ngủ, 01 phòng thờ, 01 phòng WC; phía sau nhà có 01 phòng bê tông để đồ dùng sinh hoạt; phía trước nhà có hàng rào gỗ, móng trụ bê tông; cổng đổ bê tông, mái ngói cao khoảng 03m; 02 cánh cổng bằng sắt; nền sân lát gạch, sân không có mái che tại xã Đức Trạch; các tài sản không có tranh chấp, không bị lấn chiếm.

Ngày 14/6/2024, Toà án ban hành và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa vào ngày 03/7/2024, ông Tiệm - bà Hiền vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Tiệm - bà Hiền tiếp tục vắng mặt không có lý do. Phía đại diện Ngân hàng trình bày, tính đến ngày xét xử (ngày 23/7/2024), ông Tiệm - bà Hiền còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 12.612.880.939 đồng; trong đó theo Hợp đồng tín dụng số: 86/HĐTD, nợ gốc 7.368.150.915 đồng, lãi 2.894.790.472 đồng; theo hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-201904602, nợ gốc 1.470.000.000 đồng, lãi 879.939.552 đồng.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với các bên đương sự, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 298, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định

số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng A tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là 12.612.880.939 đồng; trong đó: nợ gốc: 8.838.150.915 đồng; nợ lãi 3.774.730.024 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý các tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trong việc tự chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng, địa chỉ trụ sở Chi nhánh Ngân hàng tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị H cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/7/2024, tuy nhiên, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì ông Tiệm, bà Hiền vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông Tiệm, bà Hiền tiếp tục vắng mặt không có lý do. Trước đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất ngày 03/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai ngày 23/7/2024 đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc ông Tiệm, bà Hiền vắng mặt tại các phiên tòa là cố ý không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2. 1] *Đối với khoản vay thứ nhất:* Thực hiện Nghị định số: 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt danh sách cá nhân của thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn và huyện Bố Trạch đủ điều kiện tham gia vay vốn đóng mới tàu cá khai thác hải sản, tàu dịch vụ khai thác hải sản và nâng cấp tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số: 220/QĐ-NNNo-HSX ngày 03/3/2016 của Ngân hàng A về ban hành quy định cho vay đối với khách hàng vay vốn theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP

của Chính phủ. Năm 2016, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã tiến hành thủ tục giải ngân cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H vay tổng số tiền: 8.297.300.000 đồng (Tám tỷ hai trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 86/HĐTD. Trong đó có các điều khoản cụ thể như thời hạn vay: 11 năm (132 tháng) kể từ ngày 30/9/2016; lãi suất 7%/năm (trong đó lãi suất chủ tàu, là bên vay phải trả là 3%/năm và lãi suất Nhà nước cấp bù 4%/năm); kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/kỳ (năm đầu tiên bên vay chưa phải trả nợ gốc) và trả nợ lãi định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 30 (năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên bên vay được miễn lãi).

Đảm bảo cho khoản vay ông Tiệm, bà Hiền đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 86/HĐTC để thế chấp cho Ngân hàng 01 tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐD-QB-12-67, ký hiệu máy MITSUBISHI S6R-MPTK, số máy 69531, công suất 822CV, nơi chế tạo: Nhật; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60692; số đăng ký QB-92873-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/12/2016; chủ tàu Nguyễn Văn T; có giá trị tại thời điểm định giá để cho vay là 12.433.401.450 đồng.

Xét thấy, việc Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân số tiền vay theo các giấy nhận nợ mà ông Tiệm và bà Hiền đã ký nhận để đóng mới tàu cá theo chủ trương chung của Chính phủ và địa phương là có thật. Trình tự thủ tục ký kết các hợp đồng, thời gian giải ngân được các bên thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006. Như vậy, cả về nội dung và hình thức các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H đã nêu trên đều phù hợp với quy định của pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên từ các thời điểm giao kết. Để thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho khoản vay 8.297.300.000 đồng cho ông Tiệm, bà Hiền. Quá trình ông Tiệm, bà Hiền đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Tiệm và bà Hiền mới chỉ thanh toán được 2.525.339.843 đồng, trong đó: tiền gốc 929.149.085 đồng, tiền lãi 1.596.190.758 đồng. Sau đó ông bà không thanh toán khoản nợ gốc theo kỳ hạn và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 01/10/2019 và chuyển nợ xấu từ ngày 31/12/2019 đối khoản vay của ông bà. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu ông Tiệm, bà Hiền trả nợ cũng như phối hợp xử lý tài sản thế chấp nhưng ông Tiệm và bà Hiền không hợp tác. Như vậy, ông Tiệm, bà Hiền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Tiệm và bà Hiền phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là số tiền 10.262.941.387 đồng, trong đó: nợ gốc 7.368.150.915 đồng, lãi 2.894.790.472 đồng đồng là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với các quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2. 2] *Đối với khoản vay thứ hai:* Năm 2019, ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-201904602 ngày 26/11/2019 với Ngân hàng để vay số tiền 1.470.000.000 đồng, nhằm mục đích kinh doanh mua bán hàng thủy hải sản với thời hạn 12 tháng; lãi suất 9,5%/năm.

Bảo đảm khoản vay ông Tiệm, bà Hiền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m² tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số: BP 961306 ngày 17/4/2014 mang tên Nguyễn Văn T và Hoàng Thị H theo Hợp đồng thế chấp số: 490/HĐTC; giá trị tại thời điểm định giá để cho vay là 2.200.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng cho vợ chồng ông Tiệm, bà Hiền và ông bà cũng đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi 30.225.616 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Tiệm, bà Hiền vi phạm về thời hạn thanh toán dẫn đến khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 28/9/2020. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Tiệm, bà Hiền phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền vay còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là 2.349.939.552 đồng; trong đó, nợ gốc 1.470.000.000 đồng, nợ lãi 879.939.552 đồng là có căn cứ và đúng với các điều khoản mà các bên đã tham gia ký kết nên yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận toàn bộ.

[2. 3] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:* Hội đồng xét xử thấy rằng hình thức, nội dung các điều khoản tại hợp đồng thế chấp số 86/HĐTC và số 490/HĐTC để đảm bảo khoản vay giữa các bên là tự nguyện và đã được công chứng, đăng ký bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định tại các Điều 292, 298, 317, 318, 319 Bộ luật dân sự. Do đó, trường hợp ông Tiệm và bà Hiền không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản là 01 tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐD-QB-12-67, ký hiệu máy MITSUBISHI S6R-MPTK, số máy 69531, công suất 822CV, nơi chế tạo: Nhật, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60692, số đăng ký QB-92873-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/12/2016, chủ tàu Nguyễn Văn T. Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m², tài sản trên đất là ngôi nhà đồ hai tầng đã được UBND huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BP 961306, số vào sổ cấp GCN: CH,00850 ngày 17/4/2014 mang tên Nguyễn Văn T và Hoàng Thị H để thu hồi nợ theo quy định các Điều 303, 304, 320, 323 Bộ luật dân sự.

[3] *Về chi phí xem xét, thẩm định:* Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trong việc chịu toàn bộ và đã chi phí đủ.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo:* Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 298, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số: 86/HĐTD ngày 30/9/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 86/HĐSĐBS ngày 30/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 86/2019/HĐSĐBS-TD ngày 20/3/2019 với tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là 10.262.941.387 đồng, trong đó: nợ gốc 7.368.150.915 đồng, nợ lãi 2.894.790.472 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-201904602 ngày 26/11/2019 với tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là 2.349.939.552 đồng; trong đó: nợ gốc 1.470.000.000 đồng, nợ lãi 879.939.552 đồng.

Như vậy, tổng số tiền buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng A tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23/7/2024) là 12.612.880.939 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*); trong đó: nợ gốc: 8.838.150.915 đồng (*Tám tỷ tám trăm ba mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng*); nợ lãi 3.774.730.024 đồng (*Ba tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn không trăm hai mươi bốn đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (24/7/2024) ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 86/HĐTD ngày 30/9/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 86/HĐSĐBS ngày 30/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 86/2019/HĐSĐBS-TD ngày 20/3/2019 và Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-201904602 ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A có

quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- 01 tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế: ĐD-QB-12-67, ký hiệu máy MITSUBISHI S6R-MPTK, số máy 69531, công suất 822CV, nơi chế tạo: Nhật; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60692; số đăng ký QB-92873-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/12/2016; chủ tàu Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 86/HĐTC ngày 30/8/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 86/HĐTC-SĐBS ngày 30/12/2016 “Về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 86/HĐTC ký kết ngày 30/8/2016”.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số: 310, tờ bản đồ số 01, diện tích 212m², tài sản trên đất là ngôi nhà đồ 02 tầng đã được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BP 961306, số vào sổ cấp GCN: CH.00850 ngày 17/4/2014 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị H theo Hợp đồng thế chấp số: 490/2018/HĐTC ngày 04/4/2018; Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 490/2018/VBTT ngày 04/4/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1399/2018/HĐSĐBS-TC ngày 26/9/2018.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng A về việc tự chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận toàn bộ nên được hoàn trả số tiền 59.951.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002576 ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng là: 120.612.881 đồng (*Một trăm hai mươi triệu, sáu trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi một đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/7/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Quốc Tân